

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HẬU GIANG**

Số: 51 /GPMT-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hậu Giang, ngày 28 tháng 12 năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty TNHH một thành viên thương mại Sài Gòn - Hậu Giang tại Công văn số 80/CV-HG ngày 15 tháng 9 năm 2023, Công văn số 107/HG ngày 12 tháng 12 năm 2023 và hồ sơ kèm theo; Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty TNHH một thành viên thương mại Sài Gòn - Hậu Giang, địa chỉ: số 319, đường Trần Hưng Đạo, phường I, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở Siêu thị Co.opmart Vị Thanh, tại số 319, đường Trần Hưng Đạo, phường I, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Siêu thị Co.opmart Vị Thanh.

1.2. Địa điểm hoạt động: số 319, đường Trần Hưng Đạo, phường I, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, mã số doanh nghiệp: 6300028342, đăng ký lần đầu: ngày 01 tháng 8 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ: 14, ngày 20 tháng 6 năm 2022 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hậu Giang cấp.

1.4. Mã số thuế: 6300028342.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: siêu thị.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Cơ sở nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (Cơ sở có tổng vốn đầu tư 11.383.518.000 đồng, quy mô tương đương dự án nhóm C theo tiêu chí phân loại của Luật Đầu tư công).

- Cơ sở có tổng diện tích đất: 2.792m².

- Quy mô của cơ sở:

+ Hạng mục chính: siêu thị với tầng cao xây dựng gồm 01 tầng trệt và 02 tầng lầu, diện tích xây dựng 1.765m², tổng diện tích sàn xây dựng 3.601m².

+ Hạng mục công trình phụ trợ với tổng diện tích đất 1.027 m², gồm: nhà xe, sân bãi, hệ thống xử lý nước thải, kho chứa chất thải nguy hại, khu vực lưu chứa chất thải rắn thông thường.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH một thành viên thương mại Sài Gòn - Hậu Giang.

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH một thành viên thương mại Sài Gòn - Hậu Giang có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày 28 tháng 12 năm 2023 đến ngày 27 tháng 12 năm 2033).

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND thành phố Vị Thanh;
- Công ty TNHH MTV thương mại
Sài Gòn - Hậu Giang;
- Lưu: VT, NCTH. STP

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Hòa

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ
YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM,
XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng năm 2023
của UBND tỉnh Hậu Giang)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải: 02 nguồn

- Nguồn số 01: nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh, lưu lượng 12 m³/ngày đêm.
- Nguồn số 02: nước thải từ khu vực sơ chế, chế biến thức ăn, lưu lượng 08 m³/ngày đêm.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải: 01 dòng nước thải xả vào nguồn tiếp nhận.

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: hệ thống thoát nước chung của thành phố Vị Thanh dọc theo đường Trần Hưng Đạo.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Hố ga hệ thống thoát nước chung của thành phố Vị Thanh dọc theo đường Trần Hưng Đạo, phường I, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

- Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105⁰, múi chiều 3⁰): X=1081827; Y=496134.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 20 m³/ngày đêm (tương đương 0,83 m³/giờ).

2.3.1. Phương thức xả nước thải: nước thải sau xử lý tại hệ thống xử lý nước thải công suất 20 m³/ngày đêm được bơm theo ống PVC Ø168 mm dài khoảng 05m đến hố ga quan trắc, sau đó nước từ hố ga quan trắc tự chảy theo tuyến ống PVC Ø168 mm dài khoảng 86m xả vào hố ga của hệ thống thoát nước chung dọc đường Trần Hưng Đạo, phường 1, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: liên tục 24 giờ.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào hố ga của hệ thống thoát nước chung dọc đường Trần Hưng Đạo phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (QCVN 14:2008/BTNMT, cột B, K = 1,2), cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục (nếu có)
1	pH	-	5 - 9	Không thuộc đối tượng quan trắc định kỳ và quan trắc tự động, liên tục theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. - Chủ cơ sở đề xuất quan trắc định kỳ: 01 năm/lần.	
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	60		
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	120		
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1.200		
5	Sulfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4,8		
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	12		
7	Nitrat (tính theo N)	mg/l	60		
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	24		
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	12		
10	Phosphat (tính theo P)	mg/l	12		
11	Tổng Coliform	MPN/100ml	5.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nguồn số 01 sau xử lý sơ bộ (bằng hầm tự hoại 03 ngăn) tự chảy theo tuyến ống dẫn về hệ thống xử lý nước thải công suất 20 m³/ngày đêm để xử lý.

- Nguồn số 02 sau xử lý sơ bộ (bằng thiết bị tách dầu mỡ) tự chảy theo tuyến ống dẫn về hệ thống xử lý nước thải công suất 20 m³/ngày đêm để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Hầm tự hoại 03 ngăn xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt:

+ 01 hầm tự hoại xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt, có thể tích 24,9 m³.

- Thiết bị tách dầu, mỡ xử lý sơ bộ nước thải khu vực sơ chế, chế biến thức ăn:

+ 04 thiết bị tách dầu mỡ bằng inox, mỗi thiết bị có kích thước 0,7m x 0,5m x 0,3m.

- Hệ thống xử lý nước thải:

+ Quy trình xử lý: nước thải (nguồn số 01 và nguồn số 02 sau xử lý sơ bộ) → bể thu gom → bể tách dầu, mỡ → bể điều hòa → bể sinh học thiếu khí → bể sinh học hiếu khí → bể sinh học MBR → hồ ga quan trắc → Nguồn tiếp nhận (Hồ ga hệ thống thoát nước chung của thành phố Vị Thanh dọc theo đường Trần Hưng Đạo, phường I, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang).

+ Công suất thiết kế: hệ thống xử lý nước thải có công suất thiết kế là 40 m³/ngày đêm. Tuy nhiên, hệ thống xử lý nước thải hoạt động hiện hữu chỉ đạt 20 m³/ngày đêm (tại bể sinh học MBR chỉ lắp đặt số lượng màng MBR đáp ứng với công suất xử lý 20 m³/ngày đêm).

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng: NaOH, NaOCl.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Tuân thủ nghiêm ngặt chương trình vận hành và bảo dưỡng được thiết lập cho hệ thống xử lý nước thải để đảm bảo hệ thống xử lý nước thải được vận hành ổn định, đạt hiệu quả.

- Thường xuyên kiểm tra hoạt động của công trình xử lý nước thải, hoạt động thường xuyên, không quá tải, vận hành hệ thống xử lý đúng quy trình.

- Khi nước thải sau xử lý không đạt quy chuẩn, công nhân vận hành sẽ chuyển nước thải sau xử lý (tại bể sinh học MBR) lưu tại bể thu gom và bể điều hòa của hệ thống xử lý nước thải và nhanh chóng sửa chữa, khắc phục hệ thống xử lý nước thải.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Cơ sở đã được cấp Giấy xác nhận số 09/GXN-STNMT ngày 16 tháng 7 năm 2013 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường xác nhận hoàn thành việc thực hiện đề án bảo vệ môi trường, do đó không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đầu nối, kiểm soát và vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa, đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành cơ sở.

3.3. Thực hiện đầu nối nước thải sau xử lý vào hệ thống thu gom nước thải của thành phố Vị Thanh khi hệ thống xử lý nước thải của thành phố Vị Thanh đi vào vận hành.

3.4. Công ty TNHH một thành viên thương mại Sài Gòn - Hậu Giang chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

Phụ lục 2**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng năm 2023 của UBND tỉnh Hậu Giang)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:**1. Nguồn phát sinh khí thải: 01 nguồn**

- Nguồn số 01: Khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng, lưu lượng 15.000m³/giờ.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải: 01 dòng khí thải**2.1. Vị trí xả khí thải:**

- Đầu ra ống khói máy phát điện dự phòng.

- Tọa độ vị trí xả khí thải: (hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105⁰, múi chiều 3⁰): X = 1081824; Y = 496128.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 360.000 m³/ngày đêm, 15.000 m³/giờ.

2.3. Phương thức xả khí thải: khí thải xả trực tiếp ra môi trường qua ống khói máy phát điện dự phòng (ống khói cao 04m), xả gián đoạn (chỉ xả lúc lưới điện bị cúp, thời gian xả từ lúc lưới điện bị cúp đến khi có điện trở lại).

2.4. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (QCVN 19:2009/BTNMT, cột B, K_p = 1, K_v = 0,8), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Giá trị giới hạn cho phép (mg/Nm ³)	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục (nếu có)
1	Bụi tổng	160	Không thuộc đối tượng quan trắc định kỳ và quan trắc tự động, liên tục theo quy định tại Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.	
2	Lưu huỳnh đioxit, SO ₂	400		
3	Nitơ oxit, NO _x (tính theo NO ₂)	680		
4	Cacbon oxit, CO	800		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục (nếu có):

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải: không.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải: khí thải được xử lý đồng bộ của máy phát điện dự phòng.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: không.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố: không.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm: không thuộc trường hợp phải vận hành thử nghiệm.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Máy phát điện dự phòng phải đảm bảo sử dụng nhiên liệu là dầu DO đạt tiêu chuẩn (nhiên liệu sạch); thường xuyên kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng máy phát điện dự phòng bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Vận hành bồn khử mùi xử lý khí thải phát sinh từ các bể trong quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải theo hướng dẫn của nhà sản xuất. Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống thu gom khí thải, bồn khử mùi đảm bảo vận hành hiệu quả.

Phụ lục 3
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ
SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng năm 2023
của UBND tỉnh Hậu Giang)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

Stt	Tên chất thải nguy hại	Mã chất thải nguy hại	Khối lượng ước tính (kg/năm)
1	Hộp chứa mực in thải	08 02 04	10
2	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	50
3	Pin, ắc quy thải	16 01 12	5
4	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	80
5	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm các vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác) giặt lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	5
Tổng			150

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

Stt	Tên chất thải	Khối lượng ước tính (kg/năm)
1	Bao bì carton, giấy	68.000
2	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải	365
Tổng		68.365

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

Stt	Tên chất thải	Khối lượng ước tính (Tấn/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	180

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: thùng chứa đáp ứng yêu cầu theo quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

2.1.2. Kho lưu giữ:

- Diện tích kho lưu chứa: 03 m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho lưu chứa: kho được xây dựng kín tránh nắng, mưa và có trang bị hệ thống PCCC phía trước khu vực kho chứa đảm bảo đáp ứng yêu cầu theo quy định tại khoản 6 Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Chất thải nguy hại được lưu chứa để chờ hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường:

Chất thải có thể tái chế được lưu giữ tại khu vực lưu giữ có diện tích khoảng 04 m², sau đó chuyển giao cho đơn vị có chức năng.

Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải được lưu giữ tại bể chứa bùn của hệ thống xử lý nước thải tập trung (bể chứa bùn có cấu tạo bê tông cốt thép, kích thước 2,4m x 1,1m x 3,35m) định kỳ chuyển giao cho đơn vị chức năng theo quy định.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

Chất thải rắn sinh hoạt được phân loại tại nguồn theo quy định và lưu chứa trong thùng rác 150L, chất thải có khả năng tái chế được tập trung tại khu vực lưu giữ, sau đó chuyển giao cho đơn vị có chức năng. Đối với chất thải còn lại hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, xử lý theo quy định.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Thực hiện phương án phòng ngừa sự cố hệ thống xử lý nước thải, sự cố cháy nổ, chập điện và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125, Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Phụ lục 4

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng năm 2023 của UBND tỉnh Hậu Giang)

A. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT ĐỀ ÁN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Đã hoàn thành toàn bộ các hạng mục, công trình và các yêu cầu về bảo vệ môi trường đã được Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường phê duyệt tại Quyết định số 279/2009/QĐ-STNMT ngày 05 tháng 10 năm 2009 về việc phê duyệt đề án bảo vệ môi trường của dự án “Siêu thị Co.opmart Vị Thanh”.

B. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

2. Tuân thủ các quy định pháp luật về an toàn giao thông, an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy và quản lý hóa chất. Thực hiện kế hoạch, phương án phòng chống, ứng phó sự cố hóa chất và sự cố khác theo quy định của pháp luật.

3. Đền bù, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình thực hiện Cơ sở theo quy định của pháp luật hiện hành.

4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật./.